

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 17/7/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Vân;
2. Ông Huỳnh Hiếu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trương Ngọc K, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Anh K và chị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Ngọc K trình bày:

Anh K là thương lái kinh doanh mua bán sầu riêng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; chị T là khách hàng của anh K, hai bên giao dịch nhiều lần.

Vào ngày 15/4/2024, anh K bán cho chị T số lượng sầu riêng như sau:

- 1.388 kg sầu riêng T1, mỗi ký có giá 150.000 đồng, thành tiền là 208.200.000 đồng.

- 1.390 kg sầu riêng Ri 6, mỗi ký giá 90.000 đồng, thành tiền là 125.100.000 đồng.

- 1.209 kg sầu riêng Ri 6, mỗi ký giá 60.000 đồng, thành tiền là 72.450.000 đồng.

- 1.493 kg sầu riêng T1, mỗi ký có giá 150.000 đồng, thành tiền là 223.950.000 đồng.

- 896 kg sầu riêng Ri 6, mỗi ký giá 100.000 đồng, thành tiền là 89.600.000 đồng.

- 01 trái sầu riêng Thái 03 kg, mỗi ký trị giá 150.000 đồng, thành tiền là 450.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó chị T còn nợ lại của anh K số tiền mua sầu riêng là 133.300.000 đồng.

Tổng cộng chị T còn nợ anh K số tiền mua sầu riêng là 853.140.000 đồng nhưng khi tính tiền, anh K bớt cho chị T 10.000.000 đồng nên số nợ này chị T còn phải trả cho anh K 843.140.000 đồng.

Vào ngày 16/4/2024, chị T đã trả cho anh K số tiền 213.660.000 đồng. Chị T còn nợ lại số tiền 629.480.000 đồng có hứa vài ngày sau trả cho anh K nhưng đến nay chưa trả.

Nay, anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả cho anh K số tiền mua sầu riêng còn nợ là 629.480.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do anh K ở xa, không thuận tiện đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2024 bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Vào ngày 15/4/2024, chị T có mua sầu riêng của anh Trương Ngọc K và còn nợ số tiền là 629.480.000 đồng. Chị T đồng ý trả cho anh K số tiền nợ nêu trên. Việc mua bán này chỉ chị T mua bán với anh K. Các hóa đơn anh K giao nộp cho Tòa án là chị T ghi tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Do chị T có việc bận nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 06/5/2024, anh Trương Ngọc K khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Kiều T trả cho anh K số tiền mua sầu riêng còn nợ là 629.480.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 Bộ luật dân sự.

Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh **Trương Ngọc K**; bị đơn chị **Nguyễn Thị Kiều T** có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] *Đối với yêu cầu của anh K yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ là 629.480.000 đồng, không yêu cầu tính lãi:*

Theo anh **K** trình bày: vào ngày 15/4/2024, anh **K** có bán sầu riêng các loại cho chị **T**, thành tiền là 853.140.000 đồng nhưng khi tính tiền, anh **K** bớt cho chị **T** 10.000.000 đồng nên số nợ này chị **T** còn phải trả cho anh **K** 843.140.000 đồng. Vào ngày 16/4/2024, chị **T** đã trả cho anh **K** số tiền 213.660.000 đồng. Chị **T** còn nợ lại số tiền 629.480.000 đồng đến nay chưa trả. Anh **K** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **T** trả cho anh **K** số tiền mua sầu riêng còn nợ là 629.480.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh **K** là 01 tờ giấy viết tay không có tựa đề; 10 ảnh chụp tin nhắn (bản sao không có chứng thực).

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của anh **K**, chị **T** xác định có nợ của anh **K** số tiền 629.480.000 đồng và đồng ý trả cho anh **K** số tiền nợ nêu trên. Chị **T** không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại bản tự khai của chị **T** ngày 11/6/2024, chị **T** thừa nhận có nợ của anh **K** số tiền mua sầu riêng các loại là 629.480.000 đồng đến nay chưa trả. Lời thừa nhận của chị **T** là chứng cứ anh **K** không cần phải chứng minh. Chị **T** đồng ý trả cho anh **K** số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh **K** nêu trên nên ghi nhận. Yêu cầu của anh **K** là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Anh **K** không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[4] *Về án phí:* chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.179.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị **Nguyễn Thị Kiều T** phải có trách nhiệm trả cho anh **Trương Ngọc K** số tiền nợ là 629.480.000đ (Sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Ghi nhận anh **Trương Ngọc K** không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.179.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Hoàn trả cho anh Trương Ngọc K số tiền tạm ứng án phí là 14.590.000đ (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004650 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung